TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2019/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lộc, ngày 14 tháng 08 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2019 giữa:

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Lê Xuân Đ**, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số 118/33 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà L và ông Đ thỏa thuận giao con chung Lê Quốc B, sinh ngày 19/11/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 09/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Bà L và ông Đ khai không có.

Nợ chung; nợ riêng: Bà L và ông Đ khai không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005556 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho bà L số tiền thừa là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Lê Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng định kỳ) là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.B;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- T.H.A thành phố B;
- UBND phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền